

PHỤ LỤC VI: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)*

1. THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	Xã Thanh Minh			
1	Trung tâm xã Thanh Minh			
1.1	Các đường bê tông thuộc tổ 1, 2	835	557	371
1.2	Các đường đất còn lại thuộc tổ 1, 2	650	464	278
2	Các đường còn lại thuộc các bản: Phiêng Lơi, Púng Tôm, Co Cù, Nà Lơi	557	371	278
3	Các đường còn lại thuộc các bản: Pa Póm, Tân Quang, Huổi Lơi	371	278	186
4	Đường Võ Nguyên Giáp			
4.1	- Đoạn từ cầu Huổi Phạ đến hết đất nhà Thương Hồng (Thửa 19 TĐ 51), đối diện bên kia đường hết đất thửa 247 TĐ 50	4.640	2.320	1.392
4.2	-Đoạn từ tiếp giáp thửa 19 TĐ 51 (Đối diện bên kia đường tiếp giáp thửa 247 TĐ 50) đến hết địa phận xã Thanh Minh	2.656	1.320	792
5	Đường trong khu du lịch sinh thái Him Lam và các đường nối vào khu du lịch sinh thái Him Lam	2.598	1.299	742
6	Đường Lía 1: Đoạn từ đầu cầu BTCT đến hết đất trường THCS Thanh Minh	2.598	1.299	742
7	Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở UBND xã Tà Lèng (cũ)	2.970	2.042	1.485
8	Đường du lịch Tà Lèng - Mường Phăng			
8.1	Đoạn từ tiếp giáp đất trụ sở UBND xã Tà Lèng (cũ) đến hết đất vườn ươm cây giống Mắc ca	944	661	472
8.2	Đoạn từ tiếp giáp đất vườn ươm cây giống Mắc ca đến hết địa phận bản Kê Nênh	812	573	382
8.3	Đoạn từ giáp địa phận bản Kê Nênh đến hết địa phận xã Thanh Minh	696	464	371
9	Các đường còn lại thuộc các bản: Tà Lèng, Kê Nênh, Cùm Loọng Hòm	557	371	278
10	Các đường còn lại thuộc bản Nà Nghè	371	278	186
11	Đường Vành đai 3 ASEAN: Đoạn tiếp giáp đường bệnh viện đi Tà Lèng đến hết địa phận Thành Phố	1.114	557	371
12	Đường trong khu du lịch sinh thái Him Lam và các đường nối vào khu du lịch sinh thái Him Lam	2.598	1.299	742
II	Xã Pá Khoang			
1	Đường Trung tâm Mường Phăng đi ra Nà nghề: Đoạn từ tiếp giáp xã Mường Phăng đến cầu tràn bản Co Thón	174	133	102
2	Đường Trung tâm Mường Phăng đi ra Nà nghề Đoạn từ cầu tràn bản Co Thón đến ngã ba đi bản Co Muông	133	102	87
3	Đoạn từ ngã ba bản Hà II gồm: Hướng đi Trung tâm xã Mường Phăng đến ngã ba đi bản Co Muông; hướng đi Nhà nghỉ Trúc An đến ngã ba đi bản Co Cựm; hướng đi Nà Nghè đến giáp ranh xã Tà Lèng, thành phố Điện Biên Phủ.	174	133	102
4	Đường Nà Nhạn - Mường Phăng: Đoạn tiếp giáp Nà Nhạn đến tiếp giáp Mường Phăng	286	184	143

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5	Đường vào Hồ Pa Khoang: Từ ngã ba Co Cộm đến giáp vị trí 3 đường Mường Phăng đi Nà Nhạn	143	112	87
6	Đoạn từ ngã ba Co Cộm đi qua BQLDA Hồ đến tiếp giáp vị trí 3 đường Mường Phăng đi ra Nà Nghè	143	112	87
7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	102	87	82
8	Các vị trí còn lại trong xã	87		
III	Xã Mường Phăng			
1	Khu Trung tâm xã: Đoạn từ ngã ba đi Nà Nhạn, Nà Nghè đến ngã ba đi Nà Tấu, Hầm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	561	286	225
2	Đường Trung tâm xã đi xã Nà Nhạn: Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 đường vào hầm Đại Tướng đến giáp xã Nà Nhạn	357	235	163
3	Đường vào Hầm Đại Tướng: Đoạn từ ngã ba đi Nà Tấu đến hết đường nhựa khu di tích hầm Đại Tướng (Đường đôi)	184	143	102
4	Đường Trung tâm xã đi Nà Nghè: Đoạn từ Ngã ba đi Nà Nhạn đến giáp ranh xã Pá Khoang	184	143	102
5	Đường đi Nà Tấu: Đoạn từ giáp vị trí 3 đường đi Hầm Đại Tướng đến giáp xã Nà Tấu	153	122	92
6	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản và tương đương	102	87	82
7	Các vị trí còn lại trong xã	82		
IV	Xã Nà Tấu			
1	QL 279: Đoạn từ giáp huyện Mường Ảng đến cầu bản Xôm	459	286	184
2	QL 279: Đoạn từ cầu bản Xôm đến cổng Trường Tiểu học số 2 Nà Tấu	2.042	1.021	561
3	QL 279: Đoạn từ cổng Trường Tiểu học số 2 Nà Tấu đến giáp xã Nà Nhạn	4.083	2.246	1.021
4	Đường đi Mường Phăng: Đoạn từ hết vị trí 1 QL 279 đến tiếp giáp đường 279B	1.288	644	358
5	Đường QL 279B: Đoạn từ hết vị trí 1 đến Kho K31	1.416	708	394
6	Đường QL 279B: Đoạn tiếp giáp Kho K31 đến ngã ba đi bản Nà Luống	1.429	408	204
7	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản và tương đương	122	92	82
8	Các vị trí còn lại trong xã	82		
V	Xã Nà Nhạn			
1	QL 279: Đoạn từ giáp xã Nà Tấu đến km 60	817	510	306
2	QL 279: Đoạn từ km 60 đến km 62	510	306	184
3	QL 279: Đoạn từ km 62 đến giáp xã Thanh Minh, TP Điện Biên Phủ	357	235	163
4	Đoạn từ ngã 3 Nà Nhạn đi Mường Phăng đến giáp xã Pa Khoang	235	143	102
5	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản và tương đương	122	102	92
6	Các vị trí còn lại trong xã	82		

2. HUYỆN ĐIỆN BIÊN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	KHU VỰC TRUNG TÂM HUYỆN LÝ PÚ TỬU			
1	Đoạn từ Huyện đội Điện Biên đến hết đất của Công an huyện (đường nhựa)	1.276		
2	Đường nội bộ 29,5m	1.276		
3	Đường nội bộ 22,5m	1.126		
4	Đường nội bộ 13,5m	1.012		
5	Đường nội bộ 11,5m	836		
6	Đường nội bộ 10,5m	792		
7	Đường nội bộ 7,5m	704		
8	Đường nội bộ 5,5m	672		
1	Xã Thanh Xương			
1.1	QL 279: Đoạn từ giáp ranh thành phố Điện Biên phủ về phía nam đến hết đường nhựa 10,5m vào khu dân cư Bom La (đường rẽ vào cổng trường Chính trị huyện); về phía đông đến đường rẽ vào UBND huyện.	8.400	4.440	3.108
1.2	QL 279: Đoạn tiếp giáp từ đường nhựa 10,5m vào khu dân cư Bom La (đường rẽ vào cổng trường Chính trị huyện), về phía đông giáp đường vào UBND huyện đến hết cây xăng của Công ty TNHH TM và XD Nam Linh Trang về phía đông đến hết thửa đất số 161 tờ bản đồ 361-a.	7.040	4.224	2.816
1.3	QL 279: Đoạn từ tiếp giáp cây xăng của Công ty TNHH TM và XD Nam Linh Trang, về phía đông giáp thửa đất số 191 tờ bản đồ số 361-a đến ranh giới giáp xã Thanh An.	2.640	704	396
1.4	Đường vành đai 2 (Noong Bua - Pú Tửu): Đoạn tiếp giáp thành phố Điện Biên Phủ đến ngã tư đường rẽ vào đội 2, đội 10.	3.080	1.628	836
1.5	Đường vành đai 2 (Noong Bua - Pú Tửu): Đoạn tiếp giáp từ ngã tư đường rẽ vào đội 2, đội 10 đến giáp trường tiểu học số 1 Thanh Xương.	2.672	1.336	802
1.6	Đường đi Pú Tửu: Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 qua ngã ba Huổi Hốc đi đội 7 đến Kênh thủy nông; qua đội 11 đến Kênh thủy nông.	1.408	704	422

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1.7	Đường bê tông vào Trung tâm huyện (trừ vị trí 1,2,3 đường vành đai 2) đoạn từ nhà ông Lê đến giáp bờ ruộng	704	484	282
1.8	Đường bê tông vào Trung tâm huyện đoạn từ hết đất nhà ông Yên đến giáp khu Trung tâm huyện lỵ mới	616	370	246
1.9	Các đường liên thôn, nội thôn, ngõ Khu vực bản Ten, bản Pá Luổng, Đội C17; bản Bom La; bản Noong Nhai và Đội 18 (trừ các vị trí 1, 2, 3 QL279)	572	308	246
1.10	Đường phía Đông: Đoạn từ giáp xã Thanh An đến hết ranh giới thành phố Điện Biên Phủ	880	563	396
1.11	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	472	330	236
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	410	274	205
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	320	205	144
1.12	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
1.13	Đoạn từ đường vành đai 2 đến Trung tâm huyện lỵ Pú Từu (tuyến đường mở mới vào trung tâm huyện lỵ Pú Từu, trừ vị trí 1, 2, 3 đường vành đai 2)	2.144	1.074	644
1.14	Khu dân cư mới Bom La			
a	Đường nội bộ 25m (Các lô LK1+LK2+LK5)	5.744		
b	Đường nội bộ 25m (Các lô LK3+LK4)	4.978		
c	Đường nội bộ 20,5m (Các lô LK13+LK14)	4.622		
d	Đường nội bộ 15m (Lô LK1)	4.158		
đ	Đường nội bộ 15m (Lô LK13)	3.272		
e	Đường nội bộ 15m (Lô BT11+BT12)	3.008		
g	Đường nội bộ 13m (Lô 3+LK15+LK16+LK17+LK18+LK19+LK21)	2.864		
h	Đường nội bộ 13m (Lô BT11+LK16)	2.784		
i	Đường nội bộ 11m (Các lô LK4+LK5+LK6+LK7+LK14+LK15)	2.675		
2	Xã Thanh An			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
2.1	QL 279: Đoạn từ giáp xã Thanh Xương đến đường rẽ vào bản Xôm, bản Noong Ứng	1.600	932	488
2.2	Đoạn từ rẽ vào bản Xôm, bản Noong Ứng đến giáp xã Noong Hệt (hết đất nhà ông Thắng thôn Hoàng Công Chát)	4.400	2.200	1.232
2.3	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 đến Kênh thủy nông	544	316	226
2.4	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ Kênh thủy nông đến ngã ba rẽ đi bản Hoong Khoong	840	577	400
2.5	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ ngã ba đi bản Hoong Khoong đến hồ Cỏ Ngựa (Hết đất nhà ông Chuyển thôn Đông Biên 5)	616	370	246
2.6	Đường trục chính vào UBND xã: Đoạn từ tiếp giáp đất nhà ông Chuyển thôn Đông Biên 2 đến tiếp giáp vị trí 3 đường Đông Điện Biên	184	129	92
2.7	Đường Đông Điện Biên (ĐT.147): Đoạn từ giáp xã Thanh Xương đến giáp xã Noong Hệt	640	403	308
2.8	Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 qua thôn Trại giống đến Kênh thủy nông	1.064	604	320
2.9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	640	429	320
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	587	399	317
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	480	312	240
2.10	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
3	Xã Noong Hệt			
3.1	Quốc lộ 279: Đoạn từ tiếp giáp Thanh An đến cổng qua Quốc lộ 279	5.920	2.948	1.320
3.2	Quốc lộ 279: Đoạn từ cổng qua Quốc lộ 279 đến cổng phụ chợ Bản Phủ	7.216	3.520	1.760
3.3	Quốc lộ 279: Đoạn từ cổng phụ chợ Bản Phủ đến cổng giáp Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp Bản Phủ	8.400	4.400	3.080

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
3.4	Quốc lộ 279: Đoạn từ cổng giáp Chi nhánh Ngân hàng Bản Phủ đến đường rẽ vào trụ sở UBND xã Noong Hẹt	7.656	3.740	1.760
3.5	Đường Quốc Lộ 12 kéo dài: Đoạn từ hết vị trí 1 Quốc lộ 279 đến bờ Thành ngoại	7.656	3.740	1.760
3.6	Các vị trí còn lại trong chợ bản phủ	4.848		
3.7	Đường Quốc Lộ 12 kéo dài: Đoạn từ bờ Thành ngoại phía Đông đến bờ Thành ngoại phía Tây và đường rẽ vào Đền Hoàng Công Chất	5.280	2.640	1.320
3.8	Đường Quốc Lộ 12 kéo dài: Đoạn từ bờ Thành ngoại phía Tây đến cầu Nậm Thanh	3.968	1.980	1.188
3.9	Đường đi vào UBND xã: Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 279 đến đầu bản Bông	1.936	1.056	528
3.10	Đường đi vào UBND xã: Đoạn từ đầu bản Bông đến hết Trường Mầm non	2.464	1.364	704
3.11	Đường vành đai phía Đông: Đoạn từ giáp xã Thanh An đến giáp xã Sam Mứn	552	375	304
3.12	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	544	348	272
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	495	332	262
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	464	325	232
3.13	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
4	Xã Pom Lót			
4.1	QL 279: Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Văn Hà, đối diện là đất ông Phạm Thanh Thụy đến giáp công bê tông thoát nước (hết đất ông Nguyễn Văn Cường, đối diện là hết đất ông Hoàng Hán Thăng)	3.968	2.024	1.188
4.2	QL 279: Đoạn từ công bê tông thoát nước (giáp đất ông Nguyễn Văn Cường, đối diện là giáp đất ông Hoàng Hán Thăng) đến đường đi vào thôn 9, đối diện là ngõ vào nhà ông Lò Văn Thanh	3.552	2.220	1.066
4.3	QL 279: Đoạn từ đường đi vào thôn 9, đối diện là ngõ vào nhà ông Lò Văn Thanh đến cầu Pá Nậm.	2.816	1.628	792

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
4.4	QL 279: Đoạn từ cầu Pá Nậm đến cầu bản Na Hai (Hết đất nhà ông Hương Nhung)	1.960	1.066	533
4.5	QL 279: Đoạn từ cầu bản Na Hai (hết đất ông Hương Nhung) đến giáp xã Na U	880	484	308
4.6	Đường đi ĐBĐ: Tiếp giáp đường Quốc lộ 279 tại ngã ba hướng đi Điện Biên Đông đến đến ngã tư đường vào nhà văn hóa thôn 2, đối diện là đường vào thôn 5	3.344	1.936	880
4.7	Đường đi ĐBĐ: Từ ngã tư đường vào nhà văn hóa thôn 2, đối diện là đường vào thôn 5 đến hết địa phận xã Pom Lót	2.352	1.332	666
4.8	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	584	356	280
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	538	366	291
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	401	261	200
4.9	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
5	Xã Sam Mứn			
5.1	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ giáp địa phận xã Pom Lót đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Hữu bản Đon Đưa	1.584	880	484
5.2	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ giáp đất nhà ông Đỗ Văn Hữu bản Đon Đưa đến cầu bê tông (gần ngõ nhà ông Hùng)	1.832	916	531
5.3	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ cầu bê tông (gần ngõ nhà ông Hùng) hướng đi Điện Biên Đông đến hết nhà ông Vui (Quán cơm bình dân); hướng đi theo đường phía đông đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Tân (đối diện là hết đất nhà ông Cao Trọng Trường).	1.360	775	408
5.4	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ giáp đất nhà ông Vui (quán cơm bình dân) đến cầu bê tông giáp doanh trại Bộ đội	616	352	229
5.5	Đường đi ĐBĐ: Đoạn từ giáp cầu bê tông giáp doanh trại Bộ đội đến giáp xã Núa Ngam	352	246	176
5.6	Đường vành đai phía Đông: Đoạn từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Tân đối diện là giáp đất nhà ông Cao Trọng Trường đến giáp xã Noong Hẹt	920	653	469

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5.7	Đường liên xã: Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Vân (chồng Nguyễn Giang Quốc) thôn 10 Yên Cang (giáp đường vào trụ sở UBND xã) đến giáp địa phận xã Hẹ Muông	400	268	200
5.8	Đường trục vào UBND xã: Đoạn từ đất nhà bà Đào đến hết trụ sở UBND xã	400	272	204
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	400	272	216
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	320	208	160
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	240	168	130
5.9	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
6	Xã Noong Luống			
6.1	Đường đi pa thom: Từ đất nhà bà Chấn (thửa 123, tờ bản đồ 24-E) đến hết ao ông Muôn (thửa đất số 243, tờ bản đồ 24-E)	776	450	326
6.1a	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên (tuyến nhánh 4): Từ giáp xã Thanh Yên đến ngã tư UBND xã Noong Luống	800	464	336
6.2	Đường đi Pa Thom: Đoạn từ ngã tư qua UBND xã Noong Luống đi đội 7 đến hết đất nhà ông Đồi	800	432	344
6.3	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ giáp đất nhà ông Đồi đội 7 đến hết đất nhà ông Bương bản Co Luống	720	432	259
6.3a	Đường đi Pa Thom: đoạn từ nhà ông Bương đến hết đất nhà ông Cương bản Co Luống	640	384	230
6.4	Đoạn từ ngã tư UBND về hướng đi hồ Cô Lôm (hết thửa số 173 tờ bản đồ 23-e, ngõ vào nhà ông Liên).	456	319	228
6.5	Đoạn từ ngã tư UBND xã đi A2 đến hết nhà ông Bùi Văn Ruật	360	253	181
6.6	Ngã tư bản On về hướng đi đập Hoong Sóng (hết đất nhà ông Lịch Sen, đối diện là nhà ông Nhân).	360	253	181

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
6.7	Đường đi U Va: Đoạn từ ngã tư bản On đến hết nhà ông Thính Đội 20	360	253	181
6.8	Đường đi U Va: Đoạn từ giáp nhà ông Thính đến ngã ba rẽ đi bản U Va	448	269	211
6.9	Đường Co Luống - U Va	576	369	259
6.9a	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ nhà ông Thân bản Co Luống (từ thửa 783 tờ bản đồ 47-d) đến cầu mới sang xã Pom Lót	560	336	202
6.10	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	360	245	198
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	276	179	138
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	240	168	130
6.11	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
7	Xã Thanh Nưa			
7.1	QL 12: Đoạn từ giáp thành phố Điện Biên Phủ đến đường rẽ vào Nghĩa trang Tông Khao	3.120	1.643	844
7.2	QL 12: Đường rẽ vào Nghĩa trang Tông Khao đến hết nhà ông Lò Văn Tường, đối diện là cổng vào bản Mền	2.240	1.299	538
7.3	QL 12: Đoạn từ nhà ông Lò Văn Tường, đối diện là cổng vào bản Mền đến hết địa phận Xã Thanh Nưa	1.056	598	317
7.4	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 đến hết sân nghĩa trang đôi Độc Lập	536	314	224
7.5	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 đến hết trường tiểu học	243	160	124
7.6	Đoạn từ hết vị trí 3 Quốc lộ 12 qua ngã tư Tông Khao đến hết trường tập lái; đến hết đất nhà ông Phùng Văn Tâm (bản Hồng Lạnh); hướng đi theo đường phía tây giáp xã Thanh Luống.	536	314	224
7.6a	Đoạn đường nối Quốc lộ 12 và đường phía tây lòng chảo (đường vào chùa Linh Quang)	880	528	352

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
7.7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	640	448	320
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	591	361	296
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	480	307	216
7.8	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
8	Xã Hua Thanh	0	0	0
8.1	QL 12: Đoạn từ giáp địa phận xã Thanh Nưa đến cầu xi măng bản Tàu.	616	352	229
8.2	QL 12: Đoạn từ cầu xi măng bản Tàu đến chân đèo Cò Chạy đối diện là suối Huổi Piêng	312	213	142
8.3	QL 12: Đoạn từ chân đèo Cò Chạy đối diện là suối Huổi Piêng đến giáp xã Mường Pồn	312	213	142
8.4	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	176	123	97
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	163	114	88
	Các trục đường liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3m.	150	114	88
8.5	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
9	Xã Thanh Luông			
9.1	Đường đi Hua Pe: Đoạn từ giáp sân bay thôn Cộng Hòa đến trường tiểu học Thanh Luông	2.808	1.629	730
9.2	Đường đi Hua Pe: Đoạn từ trường tiểu học Thanh Luông đến ngã ba rẽ đi đội 11	2.376	1.320	704
9.3	Đường đi Hua Pe: Đoạn từ ngã ba rẽ đi đội 11 đến cầu chân đập hồ Pe Luông.	1.720	998	550
9.4	Đường đi Hua Pe: Đoạn từ cầu chân đập hồ Pe Luông đến hết Đồn biên phòng Thanh Luông	248	164	133
9.5	Đường từ ngã ba Nghĩa trang C1 đến tiếp nối đường đi Hua Pe (trừ các vị trí 1,2,3 của đoạn này)	1.024	727	522
9.6	Đoạn từ bờ nương C8 đến ngã ba Nghĩa trang C1	1.240	719	521

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
9.7	Đoạn từ nhà ông Phạm Quang Uy thôn Thanh Đông đến hết đất ông Bùi Văn Quý thôn Thanh Đông	1.840	994	534
9.7a	Đoạn từ nhà bà Lò Thị Nga thôn Thanh Đông đến đất ông Phạm Đồng Hưng thôn Thanh Đông	1.344	726	390
9.8	Đoạn từ hết vị trí 3 đường trục đường đi Hua Pe đến cầu Cộng Hoà.	792	572	396
9.8a	Đoạn đường tránh sân bay nối từ đường đi xã Thanh Hưng với đường đi xã Thanh Luông (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên): Đoạn từ cầu suối Hoong Pênh đến hết ruộng ông Trần Hữu Thắng, thôn Cộng Hòa	2.464	1.429	641
9.8b	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên (tuyến chính): Đoạn từ tiếp giáp đường đi Hua Pe đến tiếp giáp xã Thanh Hưng	800	568	464
9.9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	440	282	220
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	386	262	208
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	320	208	160
9.10	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
10	Xã Thanh Hưng			
10.1	QL12 : Đoạn từ giáp thành phố Điện Biên Phủ đến giáp khu trung tâm ngã tư C4	3.040	1.763	730
10.2	Khu trung tâm ngã tư C4 : Về phía Tây hết đất nhà bà Chén đối diện là nhà ông Ngô Duy Thống; về phía Nam hết đất nhà ông Nguyễn Đức Lờ đối diện là nhà ông Tuyết Minh	3.040	1.829	1.016
10.2a	Đường Lưu Viết Thoảng : Đoạn từ cầu C4 đến tiếp giáp ngã 4 đi xã Thanh Hưng (tiếp giáp đường QL 12 kéo dài)	3.696	2.218	1.232
10.3	Đường ngã tư C4 đi Léch Cuông : Đoạn tiếp giáp đất nhà ông Ngô Duy Thống đối diện là hết đất nhà bà Chén đến hết Thôn Thanh Chung	2.040	1.243	710
10.4	Đường ngã tư C4 đi Léch Cuông : Đoạn tiếp giáp Thôn Thanh Chung đến đường rẽ vào bản Léch Cang	1.152	622	337

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
10.5	Khu trung tâm xã: Đoạn đi qua UBND xã (trừ vị trí 1,2,3 đường ngã tư C4 đi Léch Cuông và đường Bệnh viện 7/5 đi UBND xã)	1.408	704	422
10.6	Đường Bệnh viện 7/5 đi UBND xã: Đoạn tiếp giáp vị trí 3 đường Quốc lộ 12 kéo dài đến hết thôn Thanh Xuân (đến ngã 3 hết đất ông Hà Văn Cân)	2.200	1.276	528
10.7	Đường bệnh viện 7/5 đi UBND xã: Đoạn tiếp giáp thôn Thanh Xuân đến dưới kênh đại thủy nông	1.144	616	334
10.7a	Đường bệnh viện 7/5 đi UBND xã: Đoạn từ trên kênh đại thủy nông đến qua ngã ba Thôn Mỹ Hưng +100m	1.724	931	500
10.8	Đoạn từ Ngã ba Noong Pét (thửa đất ông Vương Đình Kiểu) đến chân đập Hồ Hồng Khánh (trừ các vị trí 1, 2, 3 khu trung tâm xã)	528	308	220
10.8a	Đoạn đường từ ngã ba nhà bà Hiền (thôn Việt Thanh) đi qua thôn Việt Thanh, thôn Hồng Thái, thôn Thanh Hòa đến ao nhà ông Lễ.	440	220	132
10.8b	Đoạn đường tránh sân bay nối từ đường đi xã Thanh Hưng với đường đi xã Thanh Luông (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên): Đoạn từ Nhà ông Hà Văn Cân đến Cầu suối Hoong Pinh	2.464	1.429	641
10.8c	Đoạn từ ngã ba thôn Mỹ Hưng +100m đến ngã ba thôn Hưng Thịnh (nhà ông Bùi Đức Oánh)	1.000	580	420
10.8d	Đoạn từ ngã ba Léch Cang đi qua khu tái định cư Hồ Huổi Trạng Tai đến cầu bê tông	400	216	116
10.8đ	Đường đi Hồ Huổi Trạng Tai: Đoạn từ ngã ba Léch Cang đến chân đập hồ Huổi Trạng Tai	400	216	116
10.9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	480	331	221
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	440	268	220
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	400	256	180
10.10	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
11	Xã Thanh Chấn			
11.1	QL 12 kéo dài: Đoạn từ giáp xã Thanh Hưng qua kho Vật tư nông nghiệp đến hết đất nhà ông Văn Nhất, đối diện là hết đất cửa hàng vật tư của ông Bạc.	2.720	1.496	734

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
11.2	QL 12 kéo dài: Đoạn tiếp từ cửa hàng vật tư của ông Bạc đến cầu Hoong Bông.	2.244	1.276	616
11.3	QL 12 kéo dài: Đoạn từ cầu Hoong Bông đến giáp xã Thanh Yên.	1.496	748	440
11.4	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ ngã ba Co Mì qua ngã ba Thanh Hồng theo 2 ngã đến kênh thủy nông (trừ các vị trí 1,2,3 QL 12 kéo dài) đến hết đất ao nhà ông Nguyễn Văn Tại Thôn Thanh Hồng 11 (tuyến nhánh)	1.048	629	419
11.5	Đường Ngã tư Pa Lách đi UBND xã: Đoạn từ ngã tư Pa Lách qua cổng UB xã qua kênh thủy nông đến hết đất nhà ông Thắng	1.048	629	419
11.6	Đường Ngã tư Pa Lách đi UBND xã: Đoạn tiếp giáp nhà ông Thắng đến hết đường nhựa (hết đất nhà ông Du)	640	262	179
11.7	QL 279: Đoạn từ ngã tư Pa Lách đến hết nhà ông Vượng bản Pa Lách	640	262	179
11.8	Đường đi Na Khua: Đoạn từ ngã ba thôn Thanh Hà, Thanh Sơn (trừ các vị trí 1,2,3 Quốc lộ 12 Kéo dài) qua bản Na Khua đến Kênh thủy nông	592	249	178
11.8a	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên: Đoạn từ giáp xã Thanh Hưng đến giáp xã Thanh Yên (tuyến chính)	800	480	320
11.9	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	480	302	226
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	457	329	238
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	320	208	160
11.10	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
12	Xã Thanh Yên			
12.1	Quốc lộ 12 kéo dài: Đoạn từ giáp xã Thanh Chấn hướng đi Noong Hết đến cầu Nậm Thanh (mới); hướng đi Noong Luống đến giáp địa phận xã Noong Luống (trừ khu trung tâm ngã tư Tiến Thanh).	1.584	880	484

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
12.2	Khu ngã ba Noong Cống: Đoạn từ giáp ngã ba Noong Cống đến giáp cầu Nậm Thanh (cũ)	484	308	220
12.3	Khu ngã tư Tiến Thanh: Hướng về phía Tây hết đất nhà bà Phạm Thị Minh đội 2; hướng về phía Nam hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Tám đối diện là nhà ông Nguyễn Xuân Quý; hướng về phía Đông đến cầu C9; hướng về phía Bắc hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Dũng (giáp đường vào nhà ông Trần Văn Thường).	2.520	1.462	756
12.4	Khu trung tâm xã: Đoạn từ ngã tư về phía Bắc đến hết đất nhà ông Trần Văn Tới đối diện là nhà ông Đỗ Đức Kiêng; về phía Đông đến hết đất ông Trần Văn Sơn đối diện là đường rẽ vào trường TH số 1; về phía Tây đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thắng; về phía Nam đến hết trường THCS; từ ngã rẽ đến hết trường mầm non số 1.	1.976	1.047	593
12.5	Đoạn từ giáp đất nhà bà Phạm Thị Minh đội 2 Tiến Thanh đến hết đất nhà ông Phạm Văn Tạo đội 7 (trừ các vị trí thuộc khu trung tâm xã)	1.216	839	486
12.6	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 7 m trở lên	316	212	158
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	274	187	151
	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ có chiều rộng dưới 3 m	248	161	124
12.7	Các vị trí còn lại trong xã	106	88	79
III	CÁC XÃ VÙNG NGOÀI			
1	Xã Núa Ngam			
1.1	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ giáp xã Sam Mứn đến cầu Phú Ngam	336	221	166
1.2	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu Phú Ngam đến cầu Pá Ngam 2	880	448	352
1.3	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu Pá Ngam 2 đến cầu bản Tân Ngam giáp bản Pá Bông	504	353	227
1.4	Đường đi ĐBĐ (QL12): Đoạn từ cầu bản Tân Ngam giáp bản Pá Bông đến giáp huyện Điện Biên Đông	264	211	158
1.5	Đường đi Mường Lói (QL 279C): Đoạn từ cầu Pá Ngam 1 đến Km 1	211	141	106

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1.6	Đường đi Mường Lói (QL 279C): Đoạn từ Km 1 đến giáp địa phận xã Hẹ Muông	133	98	80
1.7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	106	89	80
1.8	Các vị trí còn lại trong xã	79	75	70
2	Xã Hẹ Muông			
2.1	QL 279C: Đoạn từ giáp xã Núa Ngam đến giáp đất Công ty cổ phần tinh bột Hồng Diệp	110	92	74
2.2	QL 279C: Đoạn từ đất Công ty cổ phần tinh bột Hồng Diệp đến hết đất nhà ông Quàng Văn Sương bản Công Bình	133	107	80
2.3	QL 279C: Đoạn từ đất nhà ông Quàng Văn Sương bản Công Bình đến giáp xã Na Tông	110	92	74
2.4	Đường vào trung tâm xã: Đoạn từ ngã 3 bản Pá Hẹ đổi diện là nhà ông Lò Văn Thành đến cổng vào trạm Y tế xã	88	79	70
2.5	Các vị trí còn lại trong xã	70		
3	Xã Na Tông			
3.1	QL279C: Đoạn từ giáp xã Hẹ Muông đến suối ranh giới giữa Pa Kín với Na Tông I	133	107	80
3.2	QL279C: Đoạn từ suối ranh giới giữa Pa Kín với Na Tông I đến hết đất nhà bà Lường Thị Yên bản Na Tông II	264	158	123
3.3	QL279C: Đoạn từ giáp đất nhà bà Lường Thị Yên bản Na Tông II đến hết đất nhà ông Lò Văn Phong bản Na Ó	133	107	80
3.4	QL279C: Đoạn từ giáp đất quán ông Lò Văn Phong bản Na Ó đến giáp xã Mường Nhà	222	142	107
3.5	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	106	89	80
3.6	Các vị trí còn lại trong xã	70		
4	Xã Mường Nhà			
4.1	QL279C: Đoạn từ giáp xã Na Tông đến đường rẽ lên bản Na Ó	352	220	158
4.2	QL279C: Đoạn từ nhà ông Tòng Văn Sương (bắt đầu đường đôi) đến cầu Na Phay (đường đôi)	528	308	202

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
4.2a	QL279C: Đoạn từ đường rẽ lên bản Na Ô đến tiếp giáp nhà ông Tòng Văn Suong (bắt đầu đường đôi)	296	172	112
4.3	QL279C: Đoạn từ Cầu Na Phay đến cầu Huổi Léch (Đường đôi)	1.019	559	356
4.4	QL279C: Đoạn từ cầu Huổi Léch đến phai tạm Na Hôm	308	202	141
4.5	QL279C: Đoạn từ phai tạm Na Hôm đến giáp xã Phu Luông	195	115	80
4.6	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản tương đương	79	75	70
4.7	Các vị trí còn lại trong xã	70		
5	Xã Mường Pồn			
5.1	QL 12: Đoạn từ giáp xã Hua Thanh đến đất nhà ông Thanh Dạ (bản Co Chạy 1)	223	143	108
5.2	QL 12: Đoạn từ hết đất nhà ông Thanh Dạ (bản Co Chạy 1) đến hết đất dân cư bản Lĩnh	352	220	158
5.3	QL 12: Đoạn từ giáp đất dân cư bản Lĩnh đến giáp xã Mường Mươn, huyện Mường Chà	152	116	90
5.4	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản tương đương	88	75	70
5.5	Các vị trí còn lại trong xã	70		
6	Xã Phu Luông			
6.1	QL 279C: Đoạn từ giáp xã Mường Nhà đến cầu bản Xôm (Giáp đất nhà ông Biên)	195	115	80
6.2	QL 279C: Đoạn từ cầu bản Xôm (đất nhà ông Biên) đến cầu bản Xê 1 (nhà ông Điện)	308	211	141
6.3	QL 279C: Đoạn từ cầu bản Xê 1 (nhà ông Điện) đến trường THCS Phu Luông (đầu đường đôi)	336	231	160
6.4	QL 279C: Đoạn đường đôi từ trường Trung học cơ sở Phu Luông đến Cầu Na Há 2	440	246	150
6.5	QL 279C: Đoạn từ Cầu Na Há 2 đến hết địa phận xã Phu Luông.	195	115	80
6.6	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	79	75	70

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
6.7	Các vị trí còn lại trong xã	70		
7	Xã Mường Lói			
7.1	QL 279C: Đoạn từ giáp địa phận xã Phú Lương đến giáp Đồn Biên phòng 433	150	114	88
7.2	QL 279C: Đoạn từ đất Đồn Biên phòng 433 đến ngã 3 đi Sơn La	264	158	123
7.3	QL 279C: Đoạn từ ngã 3 đi Sơn La đến ngàm suối Huổi Na	124	98	75
7.4	QL 279C: Đoạn từ ngàm suối Huổi Na đến giáp ranh giới Việt Nam - Lào	110	92	74
7.5	Đường đi Xốp Cộp Sơn La: Đoạn từ ngã 3 Sơn La đến hết khu dân cư bản Lói	107	90	72
7.6	Đường đi Xốp Cộp Sơn La: Đoạn từ giáp khu dân cư bản Lói đến giáp Xốp Cộp - Sơn La	107	90	72
7.7	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	79	75	70
7.8	Các vị trí còn lại trong xã	70		
8	Xã Na U			
8.1	QL 279: Đoạn từ giáp xã Pọm Lót đến biên giới Việt Nam - Lào	144	120	96
8.2	Đường vào trung tâm xã: Đoạn từ hết vị trí 3 QL 279 đến cống bê tông (đầu bản Na U)	88	79	70
8.3	Khu trung tâm xã: Đoạn từ cống bê tông (đầu bản Na U) đi vào bản đến nương bê tông (hết Trường Mầm non); ngã rẽ đi Púng Bử đến đỉnh Yên ngựa cây me	106	89	71
8.4	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	88	79	70
8.5	Các vị trí còn lại trong xã	70		
9	Xã Pa Thơm			
9.1	Đoạn từ giáp xã Noong Luống đến cầu bê tông suối Tát Mạ	103	84	75
9.2	Từ cầu Tát Mạ đi Xa Cuông đến hết bản Pa Xa Xá	114	79	70

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
9.3	Từ ngã ba bản Pa Xa Lào đi qua ngã ba đường lên Động Pa Thom đến hết đất nhà văn hóa bản Pa Thom	103	84	75
9.4	Trục đường vào bản Pa Xa Lào	106	80	71
9.5	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản còn lại.	88	75	70
9.6	Các vị trí còn lại trong xã	70		

ANH DẪN

3. HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	XÃ PHÌ NHỪ			
1	Trung tâm UBND xã Phì Nhừ hướng đi xã Xa Dung 1km, hướng đi xã Chiềng Sơ 1,5km, hướng đi ngã tư Phì Nhừ 100m (lấy trọn thửa đất)	334	220	141
2	Chợ trung tâm cụm xã Suối Lư (Từ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 187 đến hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 48)	466	264	132
3	Khu vực trục đường chính cầu Suối Lư đến hết Khu quy hoạch trung tâm cụm xã hướng Suối Lư - Phì Nhừ (đầu cầu Suối Lư đến hết thửa số 10 tờ bản đồ 194 đất nhà ông Phạm Quang Hưng)	748	396	176
4	Khu vực còn lại của trung tâm cụm xã theo quy hoạch	194	114	88
5	Khu vực ngã tư Phì Nhừ: Hướng đi Phình Giàng 400m, hướng đi Mường Luân 500m, Hướng đi Suối Lư 600m, hướng đi UBND xã 150m	422	194	114
6	Các vị trí còn lại bám trục đường QL 12	255	167	88
7	Khu vực bản Na Nghiêu từ thửa số 31 tờ bản đồ 214 (ông Lò Văn Hải) đến cầu Pá Vạt (giáp xã Mường Luân)	308	194	97
8	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	66	62	53
II	XÃ MƯỜNG LUÂN			
1	Từ thửa số 256 tờ bản đồ 143 (Quảng Văn Hợp – Quảng Thị Phương) đến thửa số 52 tờ bản đồ 146 (Quảng Thị Um)	466	280	184
2	Tiếp theo thửa số 52 tờ bản đồ 146 (Quảng Thị Um) đến thửa số 31 tờ bản đồ 163 (Lò Thị Định hướng đi Luân Giới) đến mốc HIII 099415 (hướng đi Chiềng Sơ)	572	264	132
3	Từ thửa 95 tờ bản đồ 181 (Lò Văn Pan – Lò Thị Hôi) đối diện thửa 42 tờ bản đồ 181 (đất UBND xã) đến thửa 101 tờ bản đồ 182 (Đoàn Văn Năm – Lê Thanh Nga)	290	194	88
4	Từ thửa 99 tờ bản đồ 156 đến thửa 78 tờ bản đồ 170 (Lường Thị Ninh) đối diện thửa 52 tờ bản đồ 170 (đất UBND xã) bản Na Ca – Na Pục	264	176	88

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5	Tiếp theo thửa 31 tờ bản đồ 163 (Lò Thị Định) đến giáp xã Luân Giới	176	79	62
6	Từ mốc HIII 099415 đến giáp xã Chiềng Sơ	176	79	62
7	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	66	62	53
8	Ngã ba mốc 3X.42 hướng đi Pì Nhừ 1km, hướng đi Mường Luân 3km	150	70	53
III	XÃ KEO LÔM			
1	Trung tâm UBND xã (từ đường vào bản Xi Cơ đến hết đất nhà ông Tuấn; đường vào bản Trung Sua 500m)	440	246	176
2	Khu vực trục đường chính cầu Suối Lư từ đất nhà bà Trần Thị Hương đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Toàn (từ thửa số 1 tờ bản đồ 124 thửa số 53 tờ bản đồ 124)	484	334	220
3	Các vị trí còn lại bám trục đường QL 12	255	167	88
4	Ngã ba Trại Bò từ thửa đất số 270 tờ bản đồ 20 (Vàng Quốc Minh – Vừ Thị Dợ) hướng đi trung tâm huyện 1 km	282	194	88
5	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại		62	53
IV	XÃ PU NHI			
1	Khu vực ngã ba lên UBND xã bám theo đường huyện lộ hướng đi thành phố Điện Biên Phủ 300m, hướng đi bản Pu Nhi hết bản Nậm Ngám A (chân đập) (Lấy trọn thửa)	387	9.361	100
2	Các bản dọc trục đường huyện lộ	220	128	70
3	Khu vực dân tái định cư			
	- Các lô từ N1 đến N26	238		
	- Các lô từ N26-1 đến N28-2	273		
	- Các lô từ N53 đến N70	211		
	- Các lô từ N34 đến N52	185		
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	66	62	53

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5	Đoạn từ hồ Nậm Ngám đi các bản Sừ Lư xã Na Son (tính đến hết đường bê tông thuộc địa phận xã)	150	79	62
V	XÃ LUÂN GIỚI			
1	Đoạn Trung tâm UBND xã (bám theo trục đường giao thông liên xã, từ đất nhà ông Tòng Văn Hiến đến ngã ba đi Na Ngua, Pá Khôm)	264	158	79
2	Đoạn Từ nhà ông Tòng Văn Hiến đến giáp xã Mường Luân	150	79	62
3	Ngã 3 đi Na Ngua, Pá Khôm đến cầu bê tông bản Na Ngua - đến cầu Pá Khôm (Nậm Mạt)	106	70	62
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	66	62	53
VI	XÃ CHIỀNG SƠ			
1	Đoạn từ trung tâm bản Kéo đi sông Mã, từ trung tâm bản Kéo đi Mường Luân, từ trung tâm bản Kéo đi bản Cang	246	150	70
2	Các bản vùng thấp (bản Pá Nặm A, B, bản Kéo, bản Co My)	132	79	62
3	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	66	62	53
4	Đoạn từ cầu treo vào UBND xã mới, ngã 3 hướng đi xã Phi Nhừ 600m	132	88	70
5	Đoạn đường bê tông từ bản Pá Nặm đi xã Phi Nhừ	88	70	62
VII	XÃ NA SON			
1	Trung tâm UBND xã (Từ cầu Na Phát đến cổng trường THCS Na Phát, theo đường đi Xa Dung đến hết thửa đất số 119 Tờ bản đồ số 99)	378	211	123
2	Các bản dọc trục đường liên xã	141	79	62
3	Đoạn từ cầu Na Phát đến thửa 294 tờ bản đồ 101 (Lường Văn Lún – Quảng Thị Păng)	176	114	70
4	Tiếp theo thửa đất số 119 Tờ bản đồ số 99 đến ngàm Huổi Nhóng, thửa đất số 4 Tờ bản đồ số 98	158	97	62
5	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	66	62	53
VIII	XÃ XA DUNG			
1	Trung tâm UBND xã (bám theo trục đường: đi bản Chóng 600m, đi Phi Nhừ 300m, đi Na Son 500m, lấy trọn thửa đất)	308	238	132

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
2	Các bản dọc trục đường liên xã	114	70	62
3	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	62	57	
IX	XÃ PHÌNH GIÀNG			
1	Đường bê tông từ trung tâm UBND xã đến hết đất nhà ông Giàng Nhìa Sùng (vợ Vàng Thị Dếnh) (lấy trọn thửa)	264	132	70
2	Đoạn từ giáp đất ông Giàng Nhìa Sùng (vợ Vàng Thị Dếnh) đến cầu Huổi Có	194	88	66
3	Các bản dọc trục đường liên xã	114	70	62
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	62	57	53
X	XÃ HÁNG LÌA			
1	Trung tâm UBND xã mới đến ngã 3 đường đi Tia Mùng	264	141	79
2	Đoạn từ trụ sở UBND xã mới sang xã Tia Đình 1 km	220	106	62
3	Các bản dọc trục đường liên xã	114	70	62
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	62	57	53
XI	XÃ TÌA DÌNH			
1	Đoạn từ trục đường chính bắt đầu từ cổng hàng rào của bản Tia Đình 1 đến hết cổng nước của trạm Y tế xã Tia Đình)	160	112	64
2	Từ ngã 3 Trạm y tế xã Tia Đình đến khu tái định cư di rời các hộ dân bản Tia Đình B, C ra khỏi khu sạt lở	141	79	66
3	Các bản dọc trục đường liên xã	114	70	62
4	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	62	57	53
XII	XÃ PÚ HỒNG			
1	Trung tâm UBND xã (hướng đi xã Mường Nhà đến hết đất nhà ông Lầu A Chia - Sênh Thị Xua; hướng đi Phình Giàng 700m)	246	132	70
2	Các bản dọc trục đường liên xã	114	70	62
3	Từ đất nhà ông Lầu A Chia - Sênh Thị Xua đến hết đất nhà ông Sùng A Tú - Lầu Thị Mai (cạnh đường lên trạm phát sóng Viettel)	123	79	62

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
4	Ngã 3 rẽ vào trường mầm non, tiểu học, THCS xã Pú Hồng (hướng đi Mường Nhà 200m, hướng đi UBND xã Pú Hồng 200m, hướng đi vào trường 200m); Ngã 3 đi bản Chả B, C (hướng đi UBND Pú Hồng 100m, hướng đi xã Phình Giàng 100m, hướng đi bản Chả B, C 100m); Ngã 3 đi bản Chả A (hướng đi Mường Nhà 50m, hướng đi Phình Giàng 50m); Ngã 3 cầu treo vào các bản Nà Nénh C (hướng đi UBND xã 100m, hướng đi xã Phình Giàng 30m)	141	88	70
5	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	62	57	53
XIII	XÃ NONG U			
1	Trung tâm UBND xã (bán kính 400 m so với trụ sở UBND xã, lấy trọn thửa đất)	290	167	114
2	Các bản dọc trục đường liên xã	167	132	62
3	Các bản còn lại xa trung tâm xã; Đường nhánh và các vị trí còn lại	66	62	53
4	Đoạn dọc QL 12	88	79	70
5	Bản Tà Té A, B, C, D (Trường tiểu học Tà Té bán kính 150 m so với điểm trường)	88	79	70